TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **279**/2021/HSST
Ngày: 24/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Tạ Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Toàn**

Bà Đặng Thị Kim Thoa

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* **Ông Đinh Nho Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Bà Lê Huyền Trang -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 283/2021/HSST ngày 15/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Thị N - sinh năm: 1988; Nơi ĐKNKTT: xóm B, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng; Nơi đã cư trú: phòng A, chung cư B, khu đô thị N, phường Y, quận C, Hà Nội; Chỗ ở: phòng A, tòa N, chung cư E, phường Đ, quận B, Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn L (đã chết); Con bà: Lý Thị R; Có chồng: Nguyễn Hữu H (đã ly hôn); Và 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 356 do phòng PC11A – Công an thành phố Hà Nội lập ngày 28/04/2021; Bị cáo bị bắt ngày 19/04/2021, Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Công ty cổ phần V; Địa chỉ: đảo H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Hoài N – sinh năm: 1995; ĐKHKTT: số A đường K, phường D, quận C, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Lê Phương T – sinh năm: 1994; ĐKHKTT: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Chỗ ở: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm: 1969; ĐKHKTT và chỗ ở: số A (số mới: B) đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Trịnh Hữu H – sinh năm: 1964; ĐKHKTT và chỗ ở: tổ A, phường D, quận C, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Trịnh Anh P – sinh năm: 1993; ĐKHKTT và chỗ ở: số A (số mới: B) đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Bà Nguyễn Thị Thanh H – sinh năm: 1974; ĐKHKTT: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Chỗ ở: số A ngách B ngõ C đường K, quận T, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Nguyễn Thị Kim O – sinh năm: 1968; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Ông Trịnh Hữu M – sinh năm: 1962; ĐKHKTT: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội; Chỗ ở: số B đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà Nguyễn Thị Ngọc H – sinh năm: 1961; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Bà Vũ Thị Hồng H – sinh năm: 1967; ĐKHKTT và chỗ ở: số A phố N, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Chị Vũ Thị Vân A – sinh năm: 1985; ĐKHKTT: thôn T, xã T, huyện S, Hà Nội; Chỗ ở: nhà A, đường N, phường Y, quận C, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

12. Chị Trần Nữ Hàn N – sinh năm: 1987; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường B, khu phố C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Tất Tuấn A - sinh năm: 1985; ĐKHKTT: số A khu phố T, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

13. Anh Lê Nhật Q – sinh năm: 1989; ĐKHKTT và chỗ ở: số C, quốc lộ B, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

14. Anh Trương Cảnh H – sinh năm: 1970; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường L, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1958; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lê Trọng S – sinh năm: 1957; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Chử Văn H – sinh năm: 1977; ĐKHKTT và chỗ ở: tổ N, thị trấn C, huyện G, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Đoàn Anh T – sinh năm: 1990; ĐKHKTT và chỗ ở: số A đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Trần Thị Minh T - sinh năm: 1991; ĐKHKTT và chỗ ở: A Tổ B đường N, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc D – sinh năm: 1985; ĐKHKTT: C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Chỗ ở: số A phố T, phường P, quận H, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Chị Đặng Thị Oanh Y – sinh năm: 1985; ĐKHKTT và chỗ ở: tổ A, phường V, quận L, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Chị Hoàng Thu H – sinh năm: 1989; ĐKHKTT: tổ A, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở: số A ngõ B phố T, phường L, quận L, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ông Tô Đình T – sinh năm: 1962; ĐKHKTT và chỗ ở: phòng A, nhà B, tập thể Đ, phường M, quận C, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Chị Dương Tuyết M; Địa chỉ: Tổng công ty H, số A phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/08/2019, Công ty cổ phần du lịch T (sau đổi tên thành Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N), địa chỉ: số A đường K, phường D, quận C, Hà Nội, được thành lập và đăng ký lần đầu với Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Trường G (sinh năm: 1997, HKTT: số A phố L, phường N, quận H, Hà Nội) làm giám đốc với 03 cổ đông sáng lập gồm ông Nguyễn Trường G; bà Thái Thị Thanh L (sinh năm: 1984, HKTT: số A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) và Hoàng Thị N. Ngày 25/10/2019, bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm: 1971, là mẹ đẻ ông G) thay ông G làm giám đốc. Đến ngày 19/12/2019, Hoàng Thị N thay bà H làm giám đốc - Đại diện theo pháp luật của công ty. Sau này, Công ty cổ phần du lịch T được đăng ký đổi tên thành Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N.

Trong thời gian từ tháng 06/2020 đến tháng 11/2020, do hoạt động kinh doanh thua lỗ cần tiền để chi tiêu cá nhân, Hoàng Thị N đã thực hiện hành vi gian dối cung cấp các mã đặt phòng và xác nhận đã thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho các đơn vị cung cấp để tạo lòng tin với nhiều khách hàng khiến họ tin tưởng chuyển tiền cho N nhưng N không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt tiền đặt mua dịch vụ lưu trú du lịch của các khách hàng.

Ngày 01/10/2019, Công ty cổ phần V (gọi tắt là V), địa chỉ: đảo H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N (gọi tắt là Đại lý) do Hoàng Thị N làm giám đốc, đã ký hợp đồng đại lý nguyên

tắc: HĐĐLNT-2020/T với nội dung: V là bên cung cấp, Đại lý là bên đặt sử dụng dịch vụ tại hệ thống khách sạn của V. Khi có nhu cầu đặt phòng và các dịch vụ khác, Đại lý gửi yêu cầu dịch vụ cho V và được V gửi xác nhận dịch vụ cho Đại Lý. Khách hàng đặt sử dụng dịch vụ tại hệ thống khách sạn của V thông qua Đại lý và cung cấp thông tin đặt sử dụng dịch vụ, thanh toán tiền sử dụng dịch vụ cho N. N sẽ chuyển thông tin khách đặt cho V để chốt đặt dịch vụ, Đại lý có trách nhiệm thanh toán tiền cho V. Sau khi đặt dịch vụ, V cung cấp cho N 01 mã phòng, N chuyển lại mã phòng này cho khách hàng. Đến ngày sử dụng dịch vụ, khách hàng đến khách sạn đã đặt mua dịch vụ cung cấp mã phòng cho nhân viên khách sạn để nhân viên khách sạn kiểm tra và được sử dụng dịch vụ. N có trách nhiệm thanh toán tiền mua dịch vụ của khách hàng cho V trước khi khách hàng đến khách sạn sử dụng dịch vụ.

Công ty cổ phần V có hệ thống nhiều khách sạn khác nhau, trong đó có khách sạn V D 1 P (do Công ty cổ phần đầu tư và du lịch P quản lý trực thuộc Công ty cổ phần V – gọi tắt là Công ty P), địa chỉ: thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Tháng 10/2020 anh Nguyễn Duy P (sinh năm: 1985, HKTT: xã Đ, huyện S, Hà Nội) đã mua dịch vụ lưu trú vui chơi giải trí cho đoàn khách gồm 14 người tại khách sạn này và được N cung cấp mã phòng là 2034303. Theo hợp đồng đã ký, trước khi khách hàng đến khách sạn sử dụng dịch vụ, N có nghĩa vụ phải thanh toán tiền cho V với số tiền là 43.384.000 đồng. Ngày 17/10/2020, khi đoàn khách của anh P đến khách sạn V D 1 P làm thủ tục nhận phòng, được nhân viên khách sạn thông báo Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N do Hoàng Thị N làm giám đốc chưa thanh toán tiền đặt mua dịch vụ cho mã phòng 2034303. Khách hàng đã thông báo việc này cho N và yêu cầu giải quyết. Do N đã chi tiêu cá nhân hết số tiền mà khách hàng đặt mua dịch vụ nên N đã nghĩ ra cách làm giả thông tin giao dịch chuyển tiền thông qua ứng dụng Internet Banking bằng cách tạo giao dịch giả. N đã chuyển 50.000 đồng từ tài khoản 19033847583017 của N mở tại ngân hàng T vào tài khoản số 0931004209999 của Công ty P thông qua ứng dụng Internet Banking. Sau khi có mẫu hóa đơn giao dịch, N vào mạng internet tải phần mềm "Viết chữ và xóa chữ" về điện thoại di động của mình, sau đó chỉnh sửa từ nội dung chuyển số tiền 50.000 đồng thành chuyển số tiền 43.384.000 đồng. Sau khi chỉnh sửa, N dùng điện thoại di động của mình chụp ảnh màn hình điện thoại có hóa đơn giao dịch chuyển thành công số tiền 43.384.000 đồng. N tiếp tục sử dụng thư điện tử (gmail) của Đại lý là "T@gmail.com" gửi hình ảnh hóa đơn giao dịch chuyển tiền đã chỉnh sửa đến địa chỉ thư điện tử của Công ty P là "res.VPDS3PQ@V.com". Sau đó, N liên lạc với khách sạn thông báo đã chuyển tiền thanh toán. Nhân viên Công ty P kiểm tra, không thấy giao dịch chuyển tiền đến, đã thông báo và từ chối cung cấp dịch vụ cho khách. Lúc này, N gọi điện cho chị Nguyễn Hoài N (sinh năm: 1995, HKTT: phường P, quận H, thành phố Hà Nội) là người đại diện của V nhờ chị N bảo lãnh cho đoàn khách của anh P được sử dụng dịch vụ tại khách sạn, N nói với chị N đã chuyển số tiền 43.384.000 đồng từ tài khoản của N đến tài khoản của V thông qua ứng dụng Internet Banking nhưng do khác ngân hàng và việc chuyển tiền vào ngày thứ 7 là ngày nghỉ (ngày 17/10/2020) nên V sẽ nhận được tiền vào ngày thứ 2 (ngày 19/10/2020). Do N đã

gửi ảnh chụp giao dịch chuyển số tiền 43.384.000 đồng đến địa chỉ thư điện tử của Công ty P nên chị N tin tưởng N và đã bảo lãnh cho đoàn khách của anh P được sử dụng dịch vụ tại khách sạn V D 1 P.

Đến ngày 19/10/2020, chị N kiểm tra tài khoản của Công ty P thấy không có số tiền 43.384.000 đồng như N đã cam kết nên yêu cầu N trả tiền nhưng N lấy lý do lỗi chuyển tiền của ngân hàng và khất lần việc thanh toán. Sau đó, chị N phát hiện ảnh chụp giao dịch chuyển số tiền 43.384.000 đồng mà N đã gửi trước đó là giao dịch chuyển tiền giả. N đã thừa nhận hành vi gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của chị N, tạo ra giao dịch chuyển tiền giả để chị N và Công ty P tin tưởng cho đoàn khách của anh P sử dụng dịch vụ để chiếm đoạt số tiền 43.384.000 đồng. Quá trình điều tra, Công ty cổ phần V đã ủy quyền cho chị Nguyễn Hoài N tham gia quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài ra, N còn có thủ đoạn gian dối, cung cấp các mã đặt phòng và xác nhận đã thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch (cho các đơn vị cung cấp dịch vụ) để tạo lòng tin với chị Lê Phương T, chị Vũ Thị Vân A, chị Trần Nữ Hàn N, anh Lê Nhật Q, anh Trương Cảnh H khiến họ tin tưởng chuyển tiền nhưng N không thực hiện cam kết mà chiếm đoạt tiền đặt mua dịch vụ lưu trú du lịch của các khách hàng với tổng số tiền chiếm đoạt là 250.273.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Tháng 10/2020, chị Lê Phương T (sinh năm: 1994, ĐKHKTT: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ lưu trú cho đoàn khách 10 người do bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm: 1969; ĐKHKTT và chỗ ở: số A (số mới: B) đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) làm trưởng đoàn, bà Nguyễn Thị P và ông Lê Trọng S (là bố mẹ chị T), ông Trịnh Hữu H (là chồng bà Đ), cháu Trịnh Anh P (là con gái bà Đ), bà Nguyễn Thị Thanh H (là em ruột bà Đ), vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim O và ông Trịnh Hữu M (là anh chồng bà Đ), bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Vũ Thị Hồng H. Bà Đ đã nộp tổng số tiền 39.000.000 đồng cho chị T để chuyển khoản cho N đặt phòng tại khách sạn VO P (thuộc V), được cung cấp mã phòng là 138157 và tại khách sạn Resort SS P (thuộc Công ty cổ phần du lịch P), được cung cấp mã xác nhận phòng là 1023233. Chị T đã chuyển số tiền trên cho N từ số tài khoản 1903254739011 mang tên Lê Phương T đến số tài khoản 1903384783017 mang tên Hoàng Thị N, ngân hàng T. Đến ngày 15/11/2020, đoàn khách của chị T đến sân bay P, đã cung cấp mã phòng cho nhân viên đón tiếp tại sân bay để sử dụng dịch vụ của khách sạn VO P nhưng không được cung cấp dịch vụ do chưa thanh toán tiền phòng. N tiếp tục cung cấp mã phòng khác nhưng cũng không sử dụng được. Đoàn khách di chuyển đến khách sạn Resort SS P và cung cấp mã phòng nhưng khách sạn từ chối cung cấp dịch vụ do chưa thanh toán tiền phòng. Lúc này, N thừa nhận không đóng tiền cho công ty để đoàn khách được hưởng dịch vụ như thỏa thuận. Ngày 17/11/2020, N đã khắc phục cho chị T 18.900.000 đồng. Số tiền còn lại là 20.100.000 đồng, chị T và những người bị hại yêu cầu N trả lại nhưng N không có khả năng khắc phục.

Sau khi N trả lại 18.900.000 đồng cho chị T, chị T đã chia đều số tiền này làm 10 phần, giữ lại 02 phần với số tiền là 3.780.000 đồng là phần tương ứng của ông Lê Trọng S và Nguyễn Thị P (là bố mẹ chị T), trả lại 08 phần với số tiền là

15.120.000 đồng cho bà Đ. Bà Đ đã trả lại 3.780.000 đồng cho vợ chồng ông M bà O, trả lại 1.890.000 đồng cho bà H, trả lại 1.890.000 đồng cho bà H.

2. Vụ thứ hai: Chị Vũ Thị Vân A (sinh năm: 1985, ĐKHKTT: thôn T, xã T, huyện S, Hà Nội) làm công việc bán vé máy bay, quen biết N do N ở cùng chung cư A khu đô thị N, đường N, phường Y, quận C, Hà Nội. Chị Vân A biết N có công ty kinh doanh Tour du lịch có thể đặt mua được dịch vụ lưu trú du lịch của các khách sạn lớn tại các khu du lịch nổi tiếng với giá ưu đãi nên đã chuyển tiền cho N đặt mua dịch vụ này cho khách hàng của Chị Vân A để hưởng lợi nhuận chênh lệch.

Bằng thủ đoạn tương tự, trong thời gian từ tháng 9/2020 đến tháng 11/2020, Hoàng Thị N đã thực hiện hành vi gian dối cung cấp các mã đặt phòng không có thực và xác nhận đã thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho các đơn vị cung cấp để tạo lòng tin với Chị Vân A khiến Chị Vân A tin tưởng chuyển tiền cho N đặt mua dịch vụ lưu trú du lịch cho nhiều đoàn khách. Sau đó, N không thanh toán tiền mua dịch vụ cho các khách sạn mà chiếm đoạt tiền của Chị Vân A. Để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, Chị Vân A đã tự bỏ tiền thanh toán cho các đơn vị cung cấp mua lại dịch vụ lưu trú tại các khách sạn, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 9/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua 02 gói dịch vụ du lịch cho đoàn khách của anh Chử Văn H (sinh năm 1977, HKTT: tổ N, thị trấn T, huyện G, Hà Nội) gói dịch vụ thứ nhất có thời gian lưu trú từ ngày 13/11/2020 đến ngày 15/11/2020 tại khách sạn V Resort & Goft P (thuộc V), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. N đã cung cấp cho Chị Vân A mã xác nhận đặt phòng là 1950168 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này với tổng số tiền là 16.360.000 đồng. Tin tưởng N, ngày 10/09/2020, Chị Vân A đã chuyển số tiền trên cho N. Đến ngày 13/11/2020, đoàn khách của anh H đến khách sạn và cung cấp mã phòng cho nhân viên khách sạn, được nhân viên lễ tân thông báo N chưa thanh toán tiền dịch vụ lưu trú du lịch cho công ty nên công ty đã hủy gói dịch vụ. Gói dịch vụ thứ hai có thời gian lưu trú từ ngày 15/11/2020 đến ngày 16/11/2020 nghỉ tại khách sạn The S P (thuộc Công ty TNHH MTV P T), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 2047488 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này với tổng số tiền là 6.050.000 đồng. Tin lời N, ngày 11/9/020, Chị Vân A đã chuyển số tiền trên cho N từ tài khoản của chị đến số tài khoản của N mở tại ngân hàng V. Đến ngày 15/11/2020, đoàn khách của anh H đến khách sạn trên để sử dụng gói dịch vụ nhưng được nhân viên lễ tân thông báo N chưa thanh toán tiền cho công ty nên công ty từ chối cung cấp dịch vụ cho đoàn.

Lần 2: Tháng 9/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do anh Đoàn Anh T (sinh năm: 1990, địa chỉ: số A đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc) làm trưởng đoàn, có thời gian lưu trú từ ngày 14/11/2020 đến ngày 17/11/2020 tại khách sạn H (thuộc Công ty H), thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 03/10/2020, N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1176654 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này với tổng số tiền là 18.900.000 đồng. Tin lời N, cùng ngày Chị Vân A đã chuyển số tiền trên cho N. Cuối tháng 10/2020, anh T thông báo với Chị Vân A về việc không đi du lịch nữa

do bận công tác. Chị Vân A thông báo và đề nghị N trả lại tiền. N đồng ý, hứa sẽ trả lại số tiền này khi Công ty H trả tiền. Đến ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền cho Công ty H để mua dịch vụ lưu trú du lịch cho đoàn khách của anh T.

Lần 3: Tháng 9/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do anh Đào Văn T (sinh năm: 1983, HKTT: K, tổ B, phường T, quận H, Hà Nội) làm trưởng đoàn với gói dịch vụ thứ nhất có thời gian lưu trú từ ngày 19/11/2020 đến ngày 21/11/2020 tại khách sạn V D P (thuộc V), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1957979 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này với tổng số tiền là 9.600.000 đồng. Ngày 15/9/2020, tin tưởng N, Chị Vân A đã chuyển số tiền trên cho N. Đến ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho V.

Lần 4: Trong tháng 9/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do chị Trần Thị Minh T (sinh năm: 1991, địa chỉ: A Tổ B đường N, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương) làm trưởng đoàn, thời gian lưu trú từ ngày 21/12/2020 đến ngày 23/12/2020 tại khách sạn V Resort& Goft P (thuộc V), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 09/9/2020, N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1947760 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này với tổng số tiền là 6.000.000 đồng để mua dịch vụ lưu trú. Tin tưởng N, Chị Vân A chỉ chuyển khoản 3.730.000 đồng cho N, N và Chị Vân A thống nhất trừ 2.270.000 đồng số tiền N nợ chị trước đó. Ngày 11/9/2020, N tiếp tục cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1952164 và xác nhận đã thanh toán 12.000.000 đồng để mua dịch vụ lưu trú tại khách sạn. Tin tưởng N, ngày 12/9/2020 Chị Vân A đã chuyển khoản 12.000.000 đồng đến tài khoản của N. Ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho V.

Lần 5: Tháng 10/2020, chị Vũ Thị Vân A tiếp tục liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách của anh Chử Văn H, thời gian lưu trú từ ngày 01/01/2021 đến ngày 03/01/2021 tại khách sạn The S C (thuộc Công ty cổ phần khu du lịch nghỉ dưỡng A). N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1004710 và xác nhận đã thanh toán cho khách sạn 16.000.000 đồng. Tin lời N, Chị Vân A chuyển khoản số tiền trên cho N. Đến ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho Công ty cổ phần khu du lịch nghỉ dưỡng A.

Lần 6: Ngày 09/11/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do Chị Vân A làm trưởng đoàn, thời gian lưu trú từ ngày 02/01/2021 đến ngày 04/01/2021 tại khách sạn C Đ (thuộc Công ty TNHH Đ). N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 20697 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này số tiền là 6.400.000 đồng. Đến ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền mua dịch vụ lưu trú du lịch cho Công ty TNHH Đ.

Lần 7: Tháng 11/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do chị Nguyễn Thị Ngọc D (sinh năm 1985, ĐKHKTT: C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc) làm trưởng đoàn, thời gian lưu trú từ ngày 15/11/2020 đến ngày 16/11/2020 nghỉ tại khách sạn V D 1 N (thuộc V), thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 13/11/2020, N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 9503022 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này số tiền là 6.300.000 đồng để mua dịch vụ lưu trú. Tin tưởng N, Chị Vân A đã chuyển khoản số tiền trên cho N. Cùng ngày, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền cho V.

Lần 8: Tháng 11/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do chị Đặng Thị Oanh Y, làm trưởng đoàn, có thời gian lưu trú từ ngày 06/12/2020 đến ngày 08/12/2020 tại khách sạn V D P (thuộc V), thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Ngày 09/11/2020, N cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 1957946 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này 13.000.000 đồng để mua dịch vụ lưu trú, do trước đó N nợ tiền chị nên N và Chị Vân A thống nhất đối trừ khoản nợ sang. Đến ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền cho V.

Lần 9: Tháng 11/2020, chị Vũ Thị Vân A liên hệ với Hoàng Thị N để đặt mua dịch vụ du lịch cho đoàn khách do chị Dương Tuyết M (địa chỉ: Tổng công ty H, số A phố Đ, phường P, quận Đ, Hà Nội) làm trưởng đoàn, thời gian lưu trú từ ngày 28/11/2020 đến 29/11/2020 tại khách sạn V Resort& Spa H (thuộc V), thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 09/11/2020, N đã cung cấp cho Chị Vân A mã phòng là 148730 và xác nhận đã thanh toán cho đơn vị này số tiền là 4.620.000 đồng để mua dịch vụ lưu trú, Chị Vân A và N thống nhất đối trừ khoản nợ trước đó của N với chị. Ngày 13/11/2020, Chị Vân A phát hiện N chưa thanh toán tiền cho V để mua dịch vụ lưu trú du lịch.

Ngoài việc nhận tiền của chị Vũ Thị Vân A hứa mua giúp dịch vụ lưu trú du lịch cho các đoàn khách trên, N còn đề nghị Chị Vân A trả trước tiền mua vé máy bay cho 02 đoàn khách 07 người của N, hứa trả lại tiền cho Chị Vân A nhưng không trả, cụ thể như sau: Trong tháng 11/2020, Hoàng Thị N đặt vấn đề với chị Vũ Thị Vân A mua vé máy bay chiều đi thành phố Hồ Chí Minh – Hà Nội cho 04 người và vé máy bay khứ hồi Hà Nội – P, P – Hà Nội 03 người. Tin tưởng N, Chị Vân A đã thanh toán 15.550.000 đồng cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch B, địa chỉ: số A phố B, phường C, quận T, thành phố Hồ Chí Minh để mua vé máy bay cho những người trên. Sau đó, Chị Vân A yêu cầu N trả lại số tiền đã nộp nhưng N khất lần, lần tránh không trả.

3. Vụ thứ ba: Ngày 21/12/2020, chị Trần Nữ Hàn N (sinh năm: 1987, HKTT: số A đường B, khu phố C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh) thông qua anh Nguyễn Tất Tuấn A (sinh năm: 1985, HKTT: số A khu phố T, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh) đã chuyển khoản cho Hoàng Thị N 25.280.000 đồng để mua gói dịch vụ lưu trú du lịch tại hệ thống nghỉ dưỡng V 5 sao, VO P cho đoàn khách của chị N với mã phòng là 1783448. Khi đoàn khách của chị N đến khách sạn cung cấp mã phòng cho nhân viên lễ tân được thông báo mã booking này đã bị hủy do gói dịch vụ trên chưa được thanh toán.

4. Vụ thứ tư: Tháng 11/2021, anh Lê Nhật Q (sinh năm: 1989; ĐKHKTT: số C, quốc lộ B, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh) đã chuyển khoản cho N 29.850.000 đồng để mua gói dịch vụ lưu trú du lịch tại hệ thống nghỉ dưỡng V D 2 P, địa chỉ: khu B, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho đoàn khách của anh Q và được cung cấp mã phòng là 1991421, thời gian lưu trú từ ngày 23/12/2020 đến ngày 26/12/2020. Ngày 23/12/2020, đoàn khách của anh Q đến khách sạn cung cấp mã phòng cho nhân viên lễ tân được biết mã booking này chưa được thanh toán.

5. Vụ thứ năm: Tháng 11/2020, anh Trương Cảnh H (sinh năm: 1970, HKTT: số A đường L, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) đã chuyển khoản cho N số tiền 25.363.000 đồng để mua vé máy bay vé khứ hồi thành phố Hồ Chí Minh – Đà lạt, Đà Lạt – TP Hồ Chí Minh và gói dịch vụ lưu trú du lịch tại khách sạn Đ W Resort, địa chỉ: số A đường H, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng với thời gian lưu trú từ ngày 24/11/2020 đến ngày 27/11/2020. Tuy nhiên, N không nộp tiền mua vé máy bay và mua dịch vụ lưu trú cho các đơn vị cung cấp mà chi tiêu cá nhân.

Để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, Chị Vân A đã mua lại các gói dịch vụ lưu trú tại hệ thống nghỉ dưỡng của V và vé máy bay cho các đoàn khách trên.

Ngày 19/04/2021, Hoàng Thị N bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam. Quá trình bắt, thu giữ của N 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu bạc, sim số 0989851588. Kiểm tra điện thoại của N thể hiện các nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị N khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (tài liệu sao kê tài khoản ngân hàng, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản kiểm tra điện thoại…).

Quá trình điều tra, Chị Vân A đã nhiều lần yêu cầu N trả tiền nhưng N không có khả năng thanh toán. Để trì hoãn việc trả tiền cho Chị Vân A nhằm mục đích khất nợ, ngày 02/12/2020, N đã viết 01“Giấy đặt cọc bán nhà”, nội dung bán căn hộ số A, Tầng B, chung cư A khu đô thị N là căn hộ N thuê của ông Tô Đình T (sinh năm: 1962, HKTT: phòng A, nhà B, tập thể Đ, phường M, quận C, Hà Nội) để làm văn phòng công ty. Ông T quản lý căn nhà cho bà Lê Thị P (sinh năm: 1938, HKTT: số A tổ B phường D, quận C, Hà Nội) là mẹ vợ ông T. Ngoài ra, N còn viết 01 giấy cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 11B1-25.113 của chị Hoàng Thu H (tên gọi khác là D, sinh năm: 1989, HKTT: Tổ A, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng) cho Chị Vân A. Chị H là bạn thân của N, đã giao cho N toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt chiếc xe trên. N viết giấy bán xe máy và căn hộ nhằm đảm bảo trách nhiệm sẽ thanh toán các khoản nợ đã phát sinh trước đó từ hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Chị Vân A qua việc thu tiền mua dịch vụ lưu trú cho các đoàn khách, không có mục đích chiếm đoạt các tài sản trên.

Về dân sự: các bị hại yêu cầu N bồi thường số tiền tương ứng với số tiền các bị hại bị N chiếm đoạt, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần V yêu cầu Hoàng Thị N phải trả số tiền 43.384.000 đồng.

- Các bị hại còn lại yêu cầu N phải trả tổng số tiền là 231.373.000 đồng. Trong đó, chị Vũ Thị Vân A là 130.780.000 đồng, anh Lê Nhật Q là 29.850.000 đồng, anh Trương Cảnh H là 25.363.000 đồng, chị Trần Nữ Hàn N là 25.280.000 đồng, gia đình bà Nguyễn Thị Đ là 8.040.000 đồng, chị Lê Phương T là 4.020.000 đồng; vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim O là 4.020.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Vũ Thị Hồng H mỗi người là 2.010.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 290/CT-VKSCG ngày 15/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố Hoàng Thị N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố Hoàng Thị N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Áp dụng; điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điểm b khoản 1 Điều 51 (Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị xử phạt: Hoàng Thị N từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, 08 năm đến 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Thị N từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền 274.757.000 đồng. Cụ thể: Công ty cổ phần V số tiền là 43.384.000 đồng, chị Vũ Thị Vân A số tiền là 130.780.000 đồng, anh Lê Nhật Q số tiền là 29.850.000 đồng, anh Trương Cảnh H số tiền là 25.363.000 đồng, chị Trần Nữ Hàn N số tiền là 25.280.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 2.010.000 đồng, ông Trịnh Hữu H số tiền là 2.010.000 đồng, chị Trịnh Anh P số tiền là 2.010.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 2.010.000 đồng, chị Lê Phương T số tiền là 4.020.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim O số tiền là 2.010.000 đồng, ông Trịnh Hữu M số tiền là 2.010.000 đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền là 2.010.000 đồng, bà Vũ Thị Hồng H số tiền là 2.010.000 đồng.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu bạc.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo thấy mình có tội và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại chị Lê Phương T có mặt tại phiên tòa đề nghị được bồi thường số tiền 4.020.000 đồng và đề nghị xử bị cáo theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được của vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được. Đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/10/2019, Công ty cổ phần V và Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N do Hoàng Thị N làm giám đốc, đã ký hợp đồng đại lý nguyên tắc: HĐĐLNT-2020/THIENTAM với nội dung: Công ty cổ phần V là bên cung cấp, Công ty cổ phần du lịch và truyền thông N là bên đặt sử dụng dịch vụ tại hệ thống khách sạn của V (bên Đại lý). Trường hợp khách hàng là cá nhân muốn đặt sử dụng dịch vụ của V thông qua đại lý thì khách hàng sẽ chuyển thông tin và tiền cho N, N được nhận tiền của khách thay cho V, sau đó N sẽ chuyển thông tin của khách hàng cho V thì V sẽ cung cấp cho N mã phòng của khách. Tháng 10 năm 2020 anh Nguyễn Duy P thông qua Hoàng Thị N đã mua dịch vụ lưu trú tại khu nghỉ dưỡng của V cho đoàn khách với số tiền 43.384.000 đồng, N đã nhận tiền của anh P và chuyển thông tin của đoàn cho V và được V cung cấp mã khách hàng là 2034303. Thực tế số tiền 43.384.000 đồng nhận được của anh P nhưng N chưa chuyển tiền cho V, N đã làm giả thông tin, tạo giao dịch chuyển tiền thành công qua ứng dụng Internet Banking, thanh toán tiền dịch vụ lưu trú du lịch với số tiền 43.384.000 đồng, Công ty V tin tưởng N đã chuyển tiền nên đã để cho đoàn khách của anh P sử dụng dịch vụ lưu trú, số tiền N đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần V là 43.384.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, khi khách hàng là cá nhân có nhu cầu đặt mua dịch vụ lưu trú tại các khách sạn lớn, N đã thực hiện hành vi gian dối cung cấp các mã phòng không có thật và xác nhận đã thanh toán tiền mua dịch vụ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ để tạo lòng tin với khách hàng là các cá nhân khiến họ tin tưởng chuyển tiền nhưng N không thực hiện cam kết mà chiếm đoạt tiền đặt mua dịch vụ lưu trú du lịch của các khách hàng, cụ thể của chị Vũ Thị Vân A số tiền 130.780.000 đồng, anh Lê Nhật Q số tiền 29.850.000 đồng, anh Trương Cảnh H số tiền 25.363.000 đồng, chị Trần Nữ Hàn N số tiền 25.280.000 đồng, nhóm gia đình chị Lê Phương T (gồm bố mẹ chị T, gia đình bà Nguyễn Thị Đ, vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim O, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Vũ Thị Hồng H) số tiền 39.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là

250.273.000 đồng. Hành vi trên của Hoàng Thị N đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp và công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo làm giám đốc công ty, lợi dụng sự tin tưởng của doanh nghiệp là Công ty cổ phần V và các cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản, hiện không có khả năng thanh toán. Số tiền bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn. Lần này phạm hai tội và phải chịu tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự. Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo phạm tội là nhiều lần đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc Nùng, bị cáo đã khắc phục hậu quả bồi thường 1 phần thiệt hại về tài sản cho chị Lê Phương T, hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo không có khả năng về kinh tế nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự: Công ty cổ phần V yêu cầu Hoàng Thị N phải trả số tiền 43.384.000 đồng.

Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường, cụ thể : chị Vũ Thị Vân A số tiền 130.780.000 đồng, anh Lê Nhật Q số tiền 29.850.000 đồng, anh Trương Cảnh H số tiền 25.363.000 đồng, chị Trần Nữ Hàn N số tiền 25.280.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 2.010.000 đồng, ông Trịnh Hữu H số tiền 2.010.000 đồng, chị Trịnh Anh P số tiền 2.010.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hiền số tiền 2.010.000 đồng, chị Lê Phương T số tiền 4.020.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim O số tiền là 2.010.000 đồng, ông Trịnh Hữu M số tiền là 2.010.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 2.010.000, bà Vũ Thị Hồng H số tiền 2.010.000 đồng.

Xét yêu cầu bồi thường của những người bị hại là chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Bị cáo xác định trách nhiệm và nghĩa vụ bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại. Vậy buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại.

[6] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu bạc, bên trong có sim cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Hoàng Thị N** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**" và tội "**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**".

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174 và khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự;

Điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản);

- Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Hoàng Thị N 08 (tám) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, **02 (hai)** năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là **10 (mười)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/04/2021.

Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền 274.757.000 đồng. Cụ thể:

+ Công ty cổ phần V (địa chỉ: Đảo H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) số tiền là 43.384.000 đồng.

+ Chị Vũ Thị Vân A (sinh năm: 1985; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện S, Hà Nội) số tiền là 130.780.000 đồng.

+ Anh Lê Nhật Q (sinh năm: 1989; Địa chỉ: số C, quốc lộ B, phường C, quận B, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền là 29.850.000 đồng.

+ Anh Trương Cảnh H (sinh năm: 1970; Địa chỉ: số A đường L, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền là 25.363.000 đồng.

+ Chị Trần Nữ Hàn N (sinh năm: 1987; Địa chỉ : số A đường B, khu phố C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh) số tiền là 25.280.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm: 1969; Địa chỉ: số A (số mới B) đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Ông Trịnh Hữu H (sinh năm: 1964; Địa chỉ: Tổ A, phường D, quận C, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Chị Trịnh Anh P (sinh năm 1993; Địa chỉ: số A (số mới B) đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H (sinh năm: 1974, Địa chỉ: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Chị Lê Phương T (sinh năm: 1994; Địa chỉ: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 4.020.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Kim O (sinh năm: 1968, Địa chỉ: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Ông Trịnh Hữu M (sinh năm: 1962, Địa chỉ: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm: 1961; Địa chỉ: số A đường Đ, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

+ Bà Vũ Thị Hồng H (sinh năm: 1967; Địa chỉ: số A phố N, phường Ô, quận Đ, Hà Nội) số tiền là 2.010.000 đồng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu bạc, bên trong có sim, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.(theo Biên bản giao nhận vật chứng số 078 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy).

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 13.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo và chị Lê Phương T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Bị cáo, bị hại,
người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Hương